

## BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 08/06/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	899,92	120,10
Thay đổi (%)	1,55%	1,71%
KLGD (triệu CP)	572,02	109,93
GTGD (tỷ VND)	8.432,38	1.077,89
Số CP tăng giá	312	138
Số Cp đứng giá	47	45
Số Cp giảm giá	77	64

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,98	1,04
PE (lần)	14,41	9,72
Hệ số Beta	1,01	0,85
ROE (%)	17,56%	15,05%
ROA (%)	7,25%	5,20%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	62,66	7,65
GTGD (tỷ VNĐ)	1.208,24	73,21

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	838,15	6,65
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	476,80	26,73
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	361,35	20,08
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	341,27	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	838,52	12,05
VN30F2006	836,5	11,5
VN30F2007	827,0	12,0
VN30F2009	810,0	13,2
VN30F2012	812,7	13,7

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	27.110,98	3,15%
S&P 500 *	3.193,93	2,62%
DAX *	12.847,68	3,36%
FTSE 100 *	6.484,30	2,25%
Nikkei 225	23.178,10	1,38%
Hang Seng	24.776,77	0,03%

\* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

### Dòng tiền ồ ạt đổ vào thị trường, VN-Index áp sát cột mốc 900 điểm.

#### Diễn biến thị trường:

Diễn biến tích cực của TTCK Mỹ khi chỉ số Dow Jones vượt mốc 27.000 điểm vào cuối tuần trước đã mang lại tâm lý hứng khởi cho các TTCK Châu Á trong phiên đầu tuần và thị trường Việt Nam cũng không ngoại lệ. Dòng tiền đổ mạnh vào thị trường ngay từ những phút mở cửa giúp hàng loạt cổ phiếu và nhóm ngành tăng mạnh, và chỉ số VN-Index có thời điểm đã vượt qua cột mốc 900 điểm. Trong đó, nhóm Bluechips giữ vai trò dẫn dắt thị trường, nổi bật là các cổ phiếu như MWG tăng 4,6% lên 90.100 đồng, BID tăng 4,5% lên 44.000 đồng, PNJ tăng 3,8%, VNM tăng 3,0%, GAS tăng 2,6%, HPG tăng 2,4%... Dù áp lực chốt lời đã gia tăng đáng kể về cuối phiên khiến các chỉ số dần "hạ nhiệt", nhưng VN-Index vẫn đóng cửa mới mức tăng ấn tượng gần 14 điểm, và áp sát cột mốc 900 điểm ngay trong phiên đầu tuần.

Dòng tiền có sự lan tỏa khá tốt, với việc số mã tăng điểm trên toàn thị trường lên tới gần 600 mã, áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm. Đà tăng không chỉ tập trung ở các cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng, mà lan tỏa ra hầu hết các nhóm ngành như chứng khoán, bất động sản, xây dựng, khu công nghiệp, dầu khí, thủy sản, dệt may... Bên cạnh đó, các cổ phiếu penny cũng thu hút dòng tiền khá tốt với nhiều mã tăng trần như FLC, ROS, SCR, TTF, HHS, ITA, LGL, DLG, HQC, VNE,... Trên TTCK Phái sinh, cả 4 HĐTL tiếp tục duy trì basis âm, nhưng HĐTL F2006 đã thu hẹp basis âm xuống chỉ còn 2,02 điểm cho thấy tâm lý giới đầu tư đang dần lạc quan hơn với xu hướng thị trường.

Giao dịch khối ngoại diễn ra khá tích cực khi họ mua ròng khoảng 340 tỷ đồng trên toàn thị trường. Lực mua tập trung vào chứng chỉ quỹ FUEVFVND (197,6 tỷ đồng), VNM (65 tỷ đồng), HPG (63,9 tỷ đồng), VCB (30,1 tỷ đồng)...

#### Diễn biến CP CSI:

Sau nhiều phiên liên tiếp không xuất hiện giao dịch thì giá cổ phiếu CSI đã bất ngờ giảm nhẹ trong phiên hôm nay. Kết phiên, CP CSI giảm 0,9% xuống 11.600 đồng/CP, khớp lệnh 800 đơn vị.

#### KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên giao dịch vô cùng bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam, khi chỉ số VN-Index đã tăng gần 14 điểm, và đóng cửa áp sát mốc 900 điểm. Thanh khoản trong phiên đầu tuần bất ngờ tăng đột biến, với giá trị giao dịch lên tới 8.200 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính GDTT), cho thấy tâm lý của giới đầu tư lúc này đang vô cùng hưng phấn. Chúng tôi nhận thấy rằng, dù đã trải qua một giai đoạn tăng giá tương đối dài, nhưng dòng tiền vẫn luôn chảy mạnh vào thị trường. Nhiều khả năng VN-Index có thể xuất hiện một vài phiên điều chỉnh kỹ thuật, nhưng vẫn sẽ trong xu hướng tăng điểm, và hướng tới vùng kháng cự 920-930 điểm. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tiếp tục kiên trì nắm giữ danh mục, và có thể tận dụng những nhịp điều chỉnh của thị trường để tăng tỷ trọng ở những mã cổ phiếu đang có lợi nhuận.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
<b>Stochastic</b>	TÍCH CỰC	<b>MACD</b>	TÍCH CỰC
<b>Volume</b>	TÍCH CỰC	<b>MA18</b>	TÍCH CỰC
<b>MA Ngắn hạn</b>	TÍCH CỰC	<b>MA65</b>	TÍCH CỰC
<b>Trend Ngắn hạn</b>	TÍCH CỰC	<b>Trend Trung hạn</b>	TIÊU CỰC

**Kết luận:** Đập cũng nhịp với thị trường chứng khoán thế giới, chứng trường Việt cũng có một phiên giao dịch rất khởi sắc trong ngày đầu tuần hôm nay. Lực cầu nhập cuộc ngay lúc mở cửa và giao dịch rất tích cực trong suốt thời gian buổi sáng. Phiên chiều, áp lực chốt lời có dâng cao thu hẹp một phần đà tăng, nhưng kết phiên vẫn là một phiên tăng điểm tượng của thị trường Việt Nam, đẩy chỉ số vn-index tiếp cận mốc tâm lý 900 điểm.

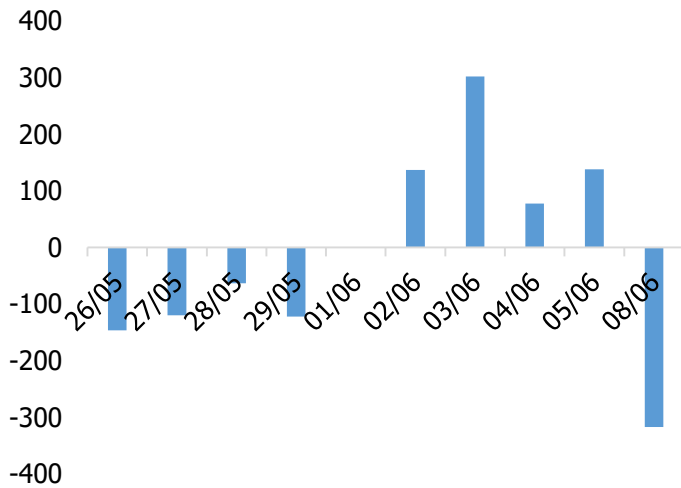
Tâm lý hưng phấn của giới đầu tư không những đẩy biên độ tăng điểm nở rộng mà thanh khoản cũng đạt mức khá cao trong phiên giao dịch hôm nay. Điều đó cho thấy dòng tiền vẫn luôn chảy mạnh vào thị trường, dù xu hướng tăng đã kéo dài khoảng 2 tháng nay. Với xu hướng này thì ngưỡng kháng cự kỳ vọng (920 -930) điểm đang ở rất gần mà có xác suất cao là thị trường sẽ tăng đến ngưỡng này. Vì vậy, duy trì danh mục đang có lợi nhuận, thậm chí mở thêm vị thế mua mới, và tăng thêm tỷ trọng khi thị trường có nhịp điều chỉnh với mục tiêu hướng đến ngưỡng kháng cự trên là quan điểm của chúng tôi trong các phiên tới. Ưu tiên vị thế mua với danh sách CP có trong danh mục khuyến nghị của chúng tôi.

## GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

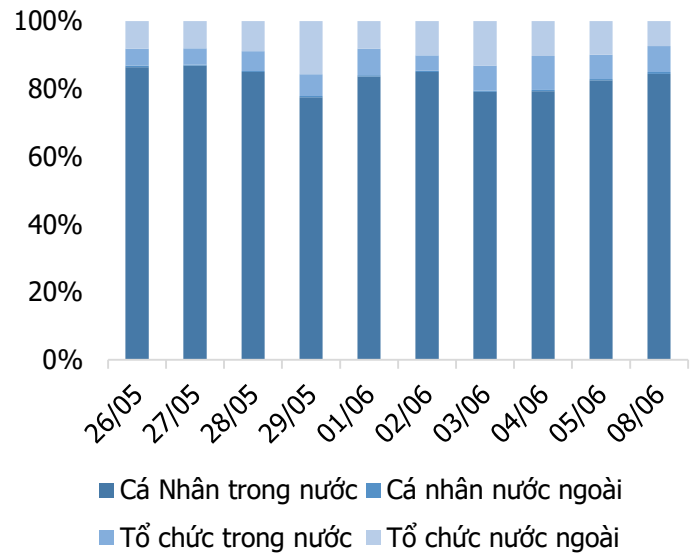
### Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

### Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



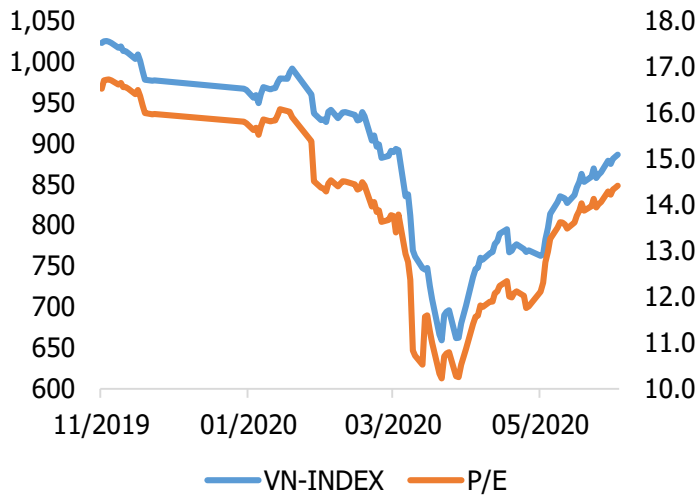
Giao dịch theo NĐT



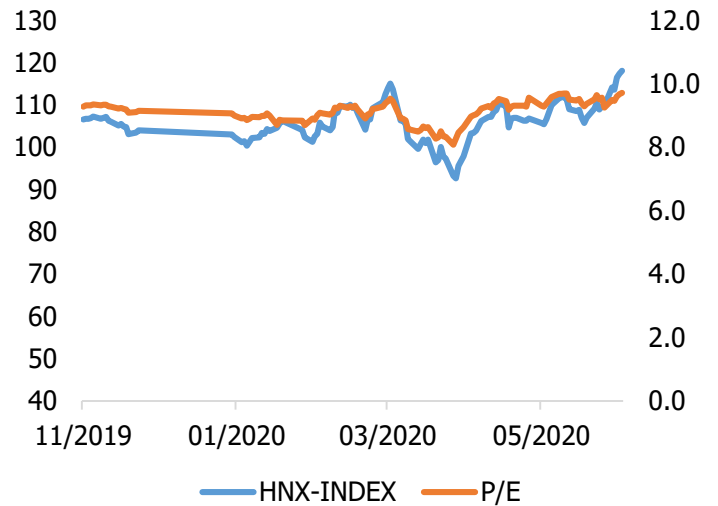
### Vn-indexen – P/E lịch sử

### Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



### TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
GTN	18,900	73,100.00
CRE	17,450	28,050.00
STB	10,700	15,983.99
FPT	49,350	12,769.73
VNM	122,800	11,682.31

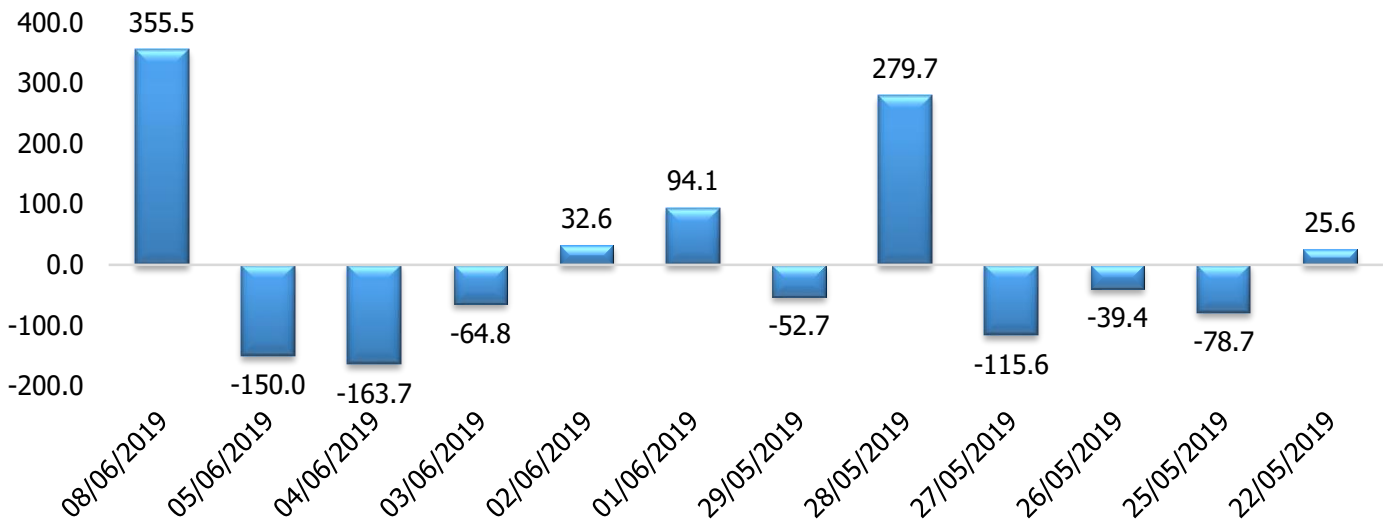
### TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
FUEVFNDD	12,770	191,401.19
GTN	18,900	73,100.00
CRE	17,450	49,377.95
HPG	27,700	38,253.21
GEX	17,950	34,113.95

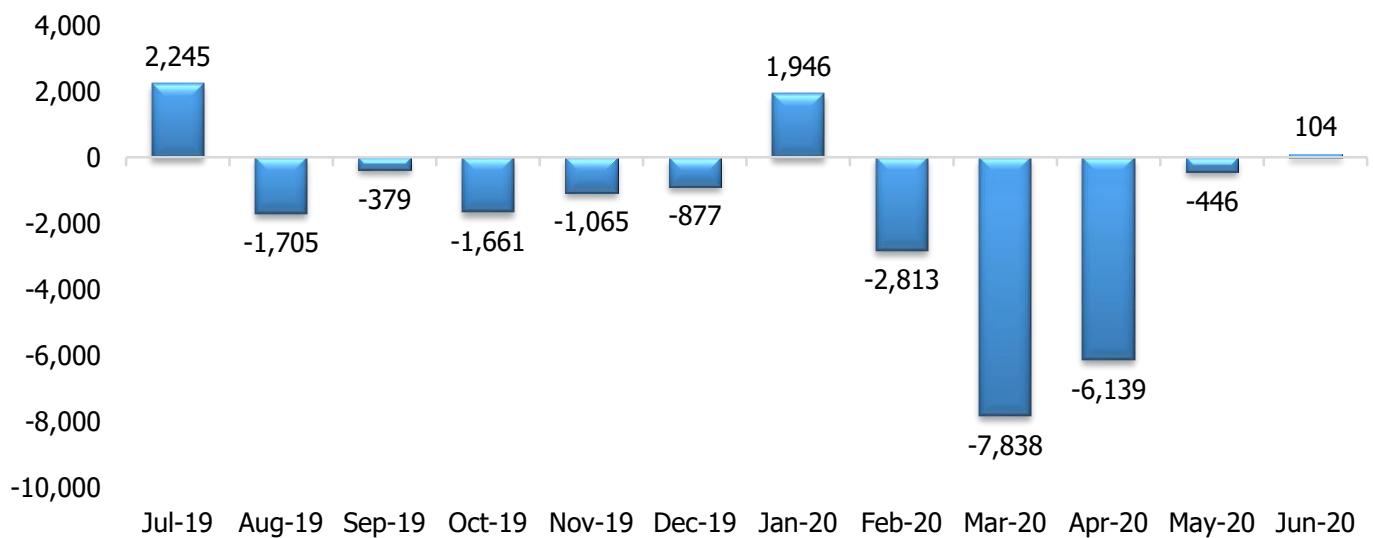
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

## GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



### HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

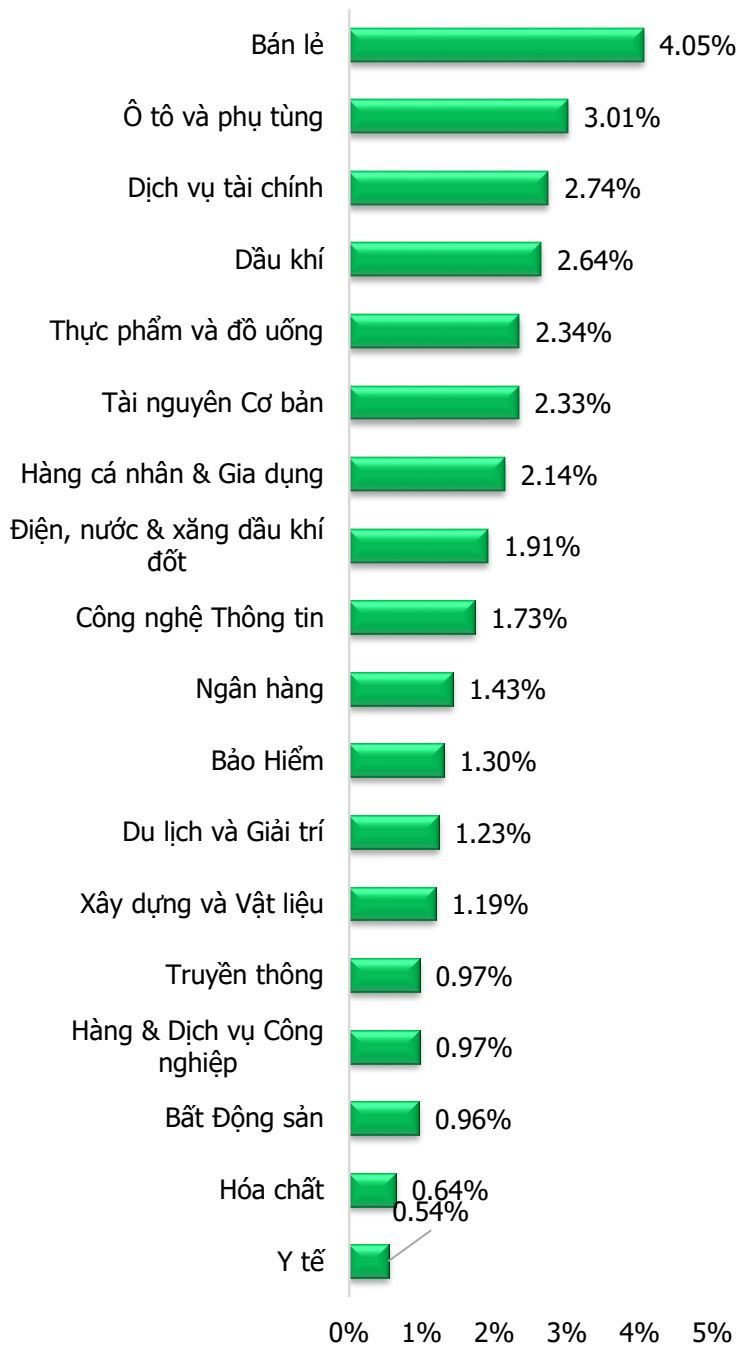
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
FUEVFVND	197.58	CII	41.30
VNM	65.06	MSN	23.07
HPG	63.92	VJC	15.04
VCB	30.13	HSG	13.05
BID	27.82	DPM	11.08

### HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

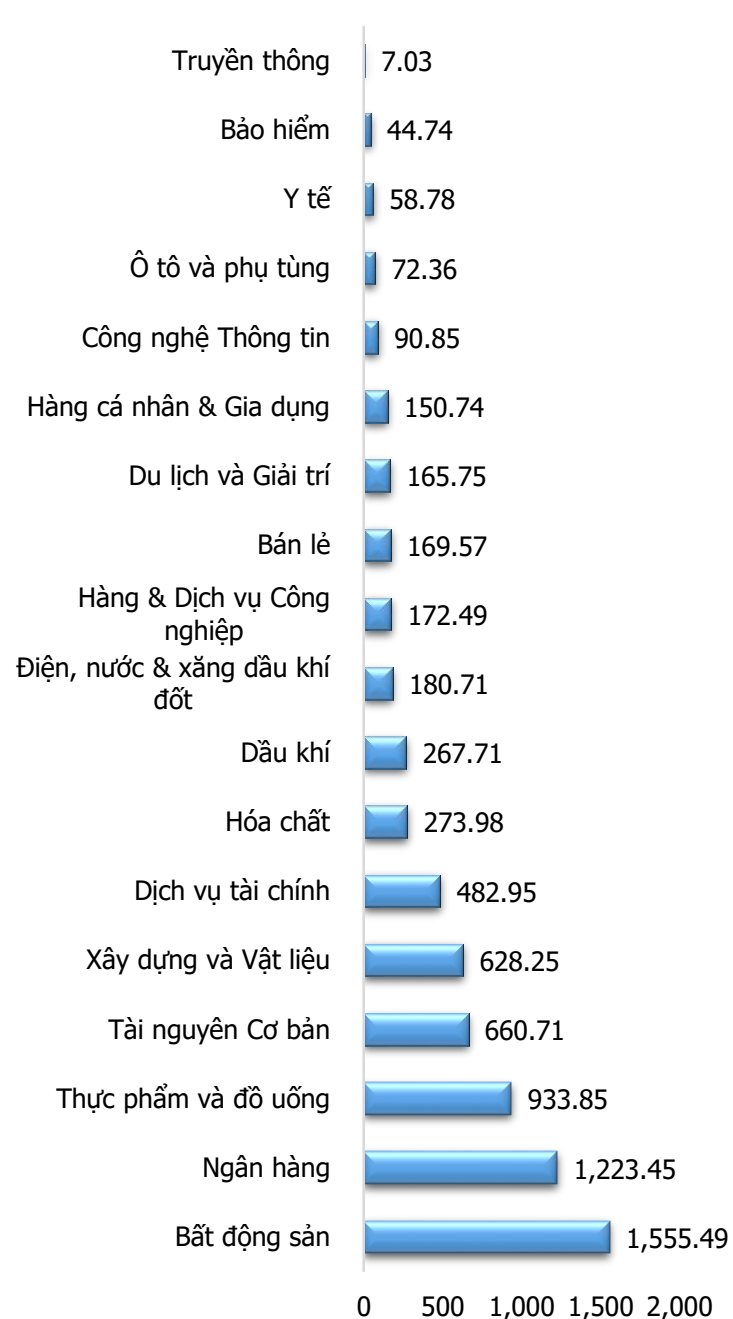
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	4.16	SHB	13.87
CEO	0.51	ART	3.53
INN	0.38	SHS	3.49
TVC	0.22	PGS	2.03
HHG	0.20	PVX	0.67

## NHÓM NGÀNH

**Biến động giá theo ngành**



**Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)**



(Nguồn: Fiinpro)

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
<b>Danh Mục Khuyến Nghị Mua</b>	APG	9.4	10.4	8.6	9.54	9.30					Chờ Khớp
	AST	57.3	63.5	52.2	58.00	56.70					Chờ Khớp
	CMG	29.7	32.9	27.0	30.15	29.40					Chờ Khớp
	DPG	25.9	28.7	23.6	26.05	25.60					Chờ Khớp
	ELC	5.6	6.2	5.1	5.60	5.50					Chờ Khớp
	HBC	10.0	11.1	9.1	10.20	9.90					Chờ Khớp
	HTM	12.4	13.8	11.3	12.80	12.30					Chờ Khớp
	IJC	12.7	14.1	11.6	13.00	12.60					Chờ Khớp
	LGL	5.1	5.6	4.6	5.13	5.00					Chờ Khớp
	MPC	29.4	32.6	26.8	29.60	29.10					Chờ Khớp
	MWG	89.4	99.1	81.4	90.10	88.50					Chờ Khớp
	OIL	8.5	9.4	7.7	8.70	8.40					Chờ Khớp
	PAC	23.2	25.8	21.2	23.40	23.00					Chờ Khớp
	PNJ	65.8	72.9	59.9	66.10	65.10					Chờ Khớp
	PVB	15.7	17.4	14.3	15.90	15.50					Chờ Khớp
	PVD	11.7	13.0	10.7	12.00	11.60					Chờ Khớp
	PVS	13.7	15.2	12.5	14.00	13.60					Chờ Khớp
PWA	9.6	10.6	8.7	9.80	9.50					Chờ Khớp	
VTK	26.3	29.1	23.9	26.30	26.00					Chờ Khớp	
<b>Danh Mục Đang Năm Giữ</b>	SKG	10.6	11.8	9.7	10.80	10.50		6/8/2020		2.9%	Năm giữ
	NLG	24.2	26.9	22.1	24.25	24.00		6/5/2020		1.0%	Năm giữ
	QCG	8.2	9.1	7.5	8.90	8.11		6/5/2020		9.7%	Năm giữ
	VND	13.5	15.0	12.3	14.00	13.40		6/5/2020		4.5%	Năm giữ
	PVT	11.6	12.9	10.6	11.75	11.50		6/4/2020		2.2%	Năm giữ
	D2D	62.4	69.2	56.9	63.00	61.80		6/2/2020		1.9%	Năm giữ
	DCL	21.2	23.5	19.3	21.70	21.00		6/2/2020		3.3%	Năm giữ
	DLG	1.6	1.7	1.4	1.65	1.54		6/2/2020		7.1%	Năm giữ
	NTL	18.5	20.5	16.8	18.30	18.30		6/2/2020		0.0%	Năm giữ
	PHR	52.4	58.1	47.7	54.70	51.90		6/2/2020		5.4%	Năm giữ
	TDG	1.8	2.0	1.6	1.80	1.78		6/1/2020		1.1%	Năm giữ
	NHA	10.9	12.1	9.9	12.20	10.80		5/29/2020		13.0%	Năm giữ
	HT1	14.3	15.9	13.1	14.80	14.20		5/28/2020		4.2%	Năm giữ
	BVH	51.6	57.2	47.0	50.60	51.10		5/27/2020		-1.0%	Năm giữ
	DRC	20.6	22.8	18.8	19.95	20.40		5/27/2020		-2.2%	Năm giữ
	DVN	11.6	12.9	10.6	11.50	11.50		5/27/2020		0.0%	Năm giữ
	G36	4.9	5.5	4.5	6.40	4.90		5/27/2020		30.6%	Năm giữ
	SGP	6.5	7.2	5.9	6.90	6.40		5/22/2020		7.8%	Năm giữ
	SLS	52.5	58.2	47.8	55.00	52.00		5/21/2020		5.8%	Năm giữ
	PWA	9.1	10.1	8.3	9.80	9.00		5/15/2020		8.9%	Năm giữ
	AAA	12.5	13.9	11.4	13.85	12.40		5/13/2020		11.7%	Năm giữ
	DIG	11.8	13.1	10.8	12.85	11.70		5/12/2020		9.8%	Năm giữ
	VIB	15.2	16.8	13.8	17.90	15.00		5/12/2020		19.3%	Năm giữ
	SBT	14.6	16.2	13.3	16.10	14.50		5/12/2020		11.0%	Năm giữ
	ILB	15.3	16.9	13.9	16.70	15.10		4/28/2020		10.6%	Năm giữ
	BSR	6.1	6.7	5.5	7.90	6.00		4/21/2020		31.7%	Năm giữ
	SNZ	18.9	20.9	17.2	26.50	18.70		4/21/2020		41.7%	Năm giữ
VCR	8.6	9.5	7.8	11.10	8.50		4/21/2020		30.6%	Năm giữ	
VCS	60.8	67.4	55.4	69.20	60.20		4/21/2020		15.0%	Năm giữ	
SIP	72.8	80.8	66.3	99.80	72.10		4/14/2020		33.6%	Năm giữ	
C32	20.7	23.0	18.9	25.10	20.50		4/13/2020		22.4%	Năm giữ	

	SJS	16.1	17.8	14.6	24.90	15.90		4/7/2020		56.6%	Nằm giữ
Danh Mục Đã Bán	DP3	64.6	71.7	58.9	85.30	64.00	86.0	8/5/2019	5/25/2020	34.4%	Đã bán
	LPB	6.5	7.2	5.9	7.80	6.40	8.00	4/7/2020	5/28/2020	25.0%	Đã bán
	MSN	53.0	58.8	48.3	62.00	52.50	62.50	3/9/2020	5/25/2020	19.0%	Đã bán
	TIG	5.8	6.4	5.2	6.60	5.70	6.70	4/21/2020	6/3/2020	17.5%	Đã bán
	HBC	8.0	8.8	7.3	9.04	7.90	9.10	4/28/2020	5/28/2020	15.2%	Đã bán
	C69	5.2	5.7	4.7	5.60	5.10	5.80	4/13/2020	5/25/2020	13.7%	Đã bán
	VTP	112.1	124.3	102.1	125.00	111.00	126.00	4/10/2020	5/25/2020	13.5%	Đã bán
	PAC	20.7	23.0	18.9	21.25	20.50	23.00	4/27/2020	5/25/2020	12.2%	Đã bán
	HMC	12.6	14.0	11.5	13.60	12.50	14.00	4/20/2020	5/25/2020	12.0%	Đã bán
	SAS	27.5	30.5	25.0	28.30	27.20	28.30	4/21/2020	5/29/2020	10.7%	Đã bán
	PLX	43.2	47.9	39.4	46.40	42.80	46.40	4/21/2020	5/25/2020	8.4%	Đã bán
	PME	61.1	67.8	55.7	59.00	60.50	59.70	4/29/2020	5/25/2020	7.9%	Đã bán
	SMB	29.9	33.2	27.2	31.60	29.60	31.90	4/15/2020	5/27/2020	7.8%	Đã bán
	TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50	30.50	4/9/2020	5/5/2020	7.0%	Đã bán
	HDC	17.5	19.4	15.9	17.65	17.30	18.30	5/7/2020	5/25/2020	5.8%	Đã bán
	PVC	5.2	5.7	4.7	5.30	5.10	5.40	5/12/2020	5/25/2020	5.9%	Đã bán
	OIL	7.7	8.5	7.0	8.00	7.60	8.00	5/7/2020	5/25/2020	5.3%	Đã bán
	CVT	17.2	19.0	15.6	17.80	17.00	17.90	5/12/2020	5/28/2020	5.3%	Đã bán
	CTG	22.2	24.6	20.2	22.40	22.00	22.90	5/20/2020	5/28/2020	4.1%	Đã bán
	CII	19.4	21.5	17.7	19.70	19.20	19.80	4/21/2020	5/25/2020	3.1%	Đã bán
	DRI	4.1	4.6	3.8	4.00	4.10	4.20	4/27/2020	5/26/2020	2.4%	Đã bán
	ASP	5.4	5.9	4.9	5.25	5.30	5.40	5/14/2020	5/26/2020	1.9%	Đã bán
	PVS	12.5	13.9	11.4	12.40	12.40	12.60	5/12/2020	5/25/2020	1.6%	Đã bán
	VRE	26.4	29.2	24.0	25.50	26.10	26.20	5/21/2020	5/28/2020	0.4%	Đã bán
	GEX	17.2	19.0	15.6	17.05	17.00	17.10	5/20/2020	6/4/2020	0.6%	Đã bán
	DHC	37.9	42.0	34.5	37.50	37.50	37.50	5/4/2020	5/15/2020	0.0%	Đã bán
	HDB	24.2	26.9	22.1	23.70	24.00	23.90	5/22/2020	5/28/2020	-0.4%	Đã bán
	KDH	22.3	24.8	20.3	21.30	22.10	21.60	5/20/2020	5/25/2020	-2.3%	Đã bán
	DCL	21.2	23.5	19.3	20.30	21.00	20.50	5/15/2020	5/26/2020	-2.4%	Đã bán
	DLG	1.5	1.7	1.4	1.46	1.51	1.46	5/15/2020	5/26/2020	-3.3%	Đã bán
	VJC	119.2	132.2	108.6	113.10	118.00	113.00	5/11/2020	5/26/2020	-4.2%	Đã bán
	DCL	21.9	24.3	20.0	20.20	21.70	20.65	4/20/2020	5/7/2020	-4.8%	Đã bán
	DQC	17.8	19.7	16.2	16.30	17.60	16.20	4/20/2020	5/4/2020	-8.0%	Đã bán
	DXG	10.3	11.4	9.4	9.35	10.20	9.50	4/21/2020	5/5/2020	-6.9%	Đã bán
	HVN	19.6	21.7	17.8	27.65	19.40	28.30	4/8/2020	4/21/2020	45.9%	Đã bán
	BMI	15.4	17.0	14.0	21.00	15.20	21.80	3/30/2020	4/20/2020	43.4%	Đã bán
	DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	3/31/2020	4/10/2020	30.2%	Đã bán
	TDH	6.7	7.4	6.1	8.17	6.60	8.50	4/7/2020	4/22/2020	28.8%	Đã bán
	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	2/10/2020	3/10/2020	27.6%	Đã bán
	FCN	7.4	8.2	6.7	8.08	7.30	8.15	3/19/2020	4/22/2020	11.6%	Đã bán
CTR	33.3	37.0	30.4	36.00	33.00	36.80	4/8/2020	4/22/2020	11.5%	Đã bán	
GMD	16.0	17.7	14.5	16.90	15.80	17.50	4/8/2020	4/22/2020	10.8%	Đã bán	
AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	3/23/2020	4/13/2020	10.9%	Đã bán	
FPT	47.0	52.1	42.8	49.30	46.50	51.00	4/7/2020	4/22/2020	9.7%	Đã bán	
HBC	7.1	7.8	6.4	7.36	7.00	7.60	4/8/2020	4/22/2020	8.6%	Đã bán	
DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30	10.80	4/10/2000	4/22/2020	4.9%	Đã bán	
SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	2/13/2020	3/10/2020	4.9%	Đã bán	
MSR	15.2	16.8	13.8	15.20	15.00	15.60	3/19/2020	4/22/2020	4.0%	Đã bán	
HDB	20.3	22.5	18.5	20.10	20.10	20.70	4/7/2020	4/22/2020	3.0%	Đã bán	
KDC	16.8	18.6	15.3	16.85	16.60	17.00	4/15/2020	4/22/2020	2.4%	Đã bán	

## NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

### HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TGG	1,070	70	7.00%	1,268,550
QBS	3,370	220	6.98%	95,490
VID	7,660	500	6.98%	5,210
AMD	3,830	250	6.98%	9,418,650
DPG	26,050	1,700	6.98%	1,362,650

### HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	500	100	25.00%	130,709
BII	800	100	14.29%	711,700
PVX	1,000	100	11.11%	6,377,729
SDT	3,300	300	10.00%	129,360
OCH	8,800	800	10.00%	22,500

### HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KPF	15,850	-1,150	-6.76%	8,580
RDP	8,940	-660	-6.88%	11,720
VSI	22,350	-1,650	-6.88%	1,490
TNI	7,940	-590	-6.92%	10,060,180
FUCVR				
EIT	7,240	-540	-6.94%	130

### HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PPP	13,900	-1,500	-9.74%	2,300
L18	7,300	-800	-9.88%	11,000
EVS	7,300	-800	-9.88%	9,300
CJC	15,400	-1,700	-9.94%	100
CAN	23,400	-2,600	-10.00%	1,020

### HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,690	240	6.96%	44,374,020
HQC	1,630	100	6.54%	24,795,660
FLC	3,330	210	6.73%	22,271,490
HPG	27,700	650	2.40%	17,144,920
STB	10,700	150	1.42%	17,094,920

### HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	2,500	200	8.70%	14,243,261
PVS	14,000	600	4.48%	12,047,499
KLF	2,200	200	10.00%	7,613,843
PVX	1,000	100	11.11%	6,377,729
SHS	12,700	1,100	9.48%	6,306,167

### HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,690	240	6.96%	44,374,020
HQC	1,630	100	6.54%	24,795,660
FLC	3,330	210	6.73%	22,271,490
HPG	27,700	650	2.40%	17,144,920
STB	10,700	150	1.42%	17,094,920

### HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	2,500	200	8.70%	14,243,261
PVS	14,000	600	4.48%	12,047,499
SHB	16,400	400	2.50%	7,691,861
KLF	2,200	200	10.00%	7,613,843
PVX	1,000	100	11.11%	6,377,729

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

## DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	169,327	18,921	2,158	0.7%	16.2%	19.51	2.23	1,220,205	44,000	38.68%
2	CTD	5,585	111,923	8,456	11.2%	22.5%	8.66	0.65	240,959	71,900	-29.45%
3	CTG	91,037	21,018	2,510	0.7%	11.9%	9.74	1.16	7,238,739	24,900	21.64%
4	BVH	36,931	25,993	1,128	1.3%	8.4%	44.11	1.91	500,236	50,600	-35.17%
5	PLX	55,968	15,779	1,032	5.8%	16.2%	45.54	2.98	684,176	48,000	-20.15%
6	EIB	21,761	13,142	774	0.9%	8.6%	22.87	1.35	3,321,801	17,750	-0.28%
7	FPT	38,176	18,804	4,171	11.7%	23.0%	11.68	2.59	2,057,984	49,350	33.36%
8	GAS	147,374	26,569	5,875	17.5%	25.7%	13.11	2.90	598,680	79,000	-22.77%
9	POW	24,707	11,670	878	3.9%	8.9%	12.02	0.90	4,185,241	10,700	-32.37%
10	HDB	26,563	20,360	3,782	1.4%	18.6%	7.27	1.35	1,857,164	27,400	2.23%
11	HPG	74,687	18,066	2,895	16.4%	26.8%	9.34	1.50	8,777,992	27,700	13.66%
12	MBB	43,165	17,421	3,334	1.4%	14.9%	5.37	1.03	6,869,026	18,100	-4.53%
13	MSN	73,644	36,258	3,952	8.9%	26.1%	15.94	1.74	2,689,063	63,400	-25.88%
14	MWG	38,988	29,527	8,817	12.2%	41.3%	9.77	2.92	1,227,206	90,100	-0.58%
15	NVL	52,937	23,335	3,639	3.7%	13.6%	15.01	2.34	1,722,073	54,700	-9.75%
16	PNJ	14,344	22,139	5,238	18.8%	28.3%	12.16	2.88	928,810	66,100	-14.58%
17	REE	9,922	32,671	4,975	11.6%	19.1%	6.43	0.98	828,940	32,150	4.92%
18	ROS	1,958	10,645	270	7.6%	14.0%	12.78	0.32	16,352,472	3,690	-88.54%
19	SAB	114,789	26,870	7,068	22.0%	30.1%	25.32	6.66	168,426	182,000	-33.07%
20	SBT	9,156	12,584	174	3.0%	8.0%	86.49	1.20	2,374,863	16,100	-13.67%
21	SSI	9,435	15,336	1,165	6.6%	14.4%	13.48	1.02	2,871,524	16,050	-23.45%
22	STB	19,029	15,273	1,329	0.4%	6.3%	7.94	0.69	9,181,774	10,700	-9.44%
23	TCB	75,078	18,356	2,987	3.1%	25.6%	7.18	1.17	4,867,397	21,700	0.70%
24	VCB	330,090	22,914	4,849	1.2%	20.3%	18.35	3.88	1,280,295	89,400	34.62%
25	VHM	254,279	19,128	7,688	0.0%	0.0%	10.05	4.04	2,195,360	77,800	-2.94%
26	VIC	321,331	23,007	2,023	1.6%	5.8%	46.96	4.13	1,143,381	96,000	-18.03%
27	VJC	59,875	26,251	3,328	15.1%	45.4%	34.34	4.35	488,306	115,000	-5.85%
28	VNM	207,572	17,234	6,061	28.5%	38.9%	19.67	6.92	1,783,109	122,800	-4.14%
29	VPB	59,725	18,264	3,749	2.6%	24.1%	6.54	1.34	6,262,599	24,450	37.25%
30	VRE	64,647	12,063	1,180	5.6%	7.9%	24.11	2.36	3,067,418	28,600	-17.18%

(Nguồn: Fiiipro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)

**Người thực hiện: Dương Quang Minh**

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [minhdq@vn-cs.com](mailto:minhdq@vn-cs.com)

**Người thực hiện: Đỗ Thị Hường**

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS**

**Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [khanglec@vn-cs.com](mailto:khanglec@vn-cs.com)

**Dương Quang Minh**

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [minhdq@vn-cs.com](mailto:minhdq@vn-cs.com)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

**Đỗ Thị Hường**

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

**Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

**TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099      Website: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)